

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Long Biên

2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã TS, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã TS, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2020, tại bản tự khai ngày 27/4/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (Nay là Ủy ban nhân dân xã TB) huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm

sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Thời gian kéo dài khiến chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Do mâu thuẫn nặng nề, trầm trọng nên chị và anh A đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay, không còn quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân N, sinh ngày 16/9/2000 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 04/4/2008. Hiện cháu N đã thành niên, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu K, khi ly hôn thì chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Văn A để nộp bản tự khai nhưng anh A đều vắng mặt nên không có lời khai của anh A trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn A; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 04/4/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Về tài sản chị L không yêu cầu nên không xem xét, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn A, cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã TS, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do trong vụ án có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết

vụ án, các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh A không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh A theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh A đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, anh A đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh A.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (Nay là Ủy ban nhân dân xã TB) huyện TT, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị L và anh A đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh A đã được các cấp chính quyền xã TS xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay, chị L nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, biết được nội dung khởi kiện của chị L nhưng anh A không đến Tòa để trình bày ý kiến cũng như tham gia hoà giải. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

[3]. Về con chung: Chị L, anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân N, sinh ngày 16/9/2000 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 04/4/2008. Hiện cháu N đã thành niên, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Còn cháu K, sau khi ly hôn chị L yêu cầu và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ, cũng phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của chị L cũng như điều kiện cụ thể, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi chung.

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 04/4/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002707 ngày 24/4/2020. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn A. Chị L và anh A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã TB, huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh

